

Số: /BC-ĐGS

Tủa Chùa, ngày tháng 5 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả giám sát chuyên đề “Về tình hình thực hiện trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng và trợ giúp xã hội khẩn cấp theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn huyện Tủa Chùa, giai đoạn 2021-2022”

Thực hiện Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND huyện về chương trình giám sát của HĐND huyện 2023; Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND huyện Tủa Chùa về việc thành lập Đoàn giám sát chuyên đề HĐND huyện; Kế hoạch số 10/KH-ĐGS ngày 10/01/2023 của Đoàn giám sát HĐND huyện “Về tình hình thực hiện trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng và trợ giúp xã hội khẩn cấp theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn huyện Tủa Chùa, giai đoạn 2021-2022”.

Đoàn giám sát của HĐND huyện đã tiến hành giám sát trực tiếp tại: UBND huyện Tủa Chùa, Phòng Lao động - TB&XH huyện và UBND các xã: Sín Chải, Tả Sìn Thàng, Mường Đun, Huổi Sớ, Sính Phình; giám sát thông qua báo cáo đối với UBND các xã, thị trấn còn lại. Qua giám sát, Đoàn giám sát tổng hợp, báo cáo kết quả như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, QUẢN TRIỆT TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện bảo trợ xã hội

Thực hiện Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ và các quy định hiện hành của Trung ương và tỉnh về chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội, trong thời gian qua các cấp ủy, chính quyền, MTTQ, các ban ngành đoàn thể từ huyện đến cơ sở luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách trên địa bàn, nhất là trợ giúp cho các đối tượng bảo trợ xã hội.

UBND huyện đã ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các xã, thị trấn triển khai thực hiện các chính sách đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Thường xuyên tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chính sách trợ giúp xã hội đến các tầng lớp nhân dân; chỉ đạo cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn phối hợp với MTTQ và các đoàn thể tổ chức tuyên truyền chính sách tới các đối tượng xã hội trên địa bàn bằng nhiều hình thức đa dạng, thiết thực như: Đưa tin, bài giới thiệu chính sách mới, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại nhà văn hóa các thôn, bản và tổ dân phố...

Ngay sau khi nhận được các văn bản của UBND tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc thực hiện chế độ chính sách cho các đối tượng bảo trợ xã hội. UBND huyện ban hành các văn bản chỉ đạo Phòng Lao động - TB&XH huyện, UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện các chính sách bảo trợ xã hội trên địa bàn huyện cụ thể¹; chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với Phòng Bảo trợ xã hội và chính sách người có công của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, mở 01 lớp tập huấn triển khai Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ tại huyện Tuần Giáo cho 24 người là Chủ tịch và Phó chủ tịch UBND các xã, thị trấn và cán bộ làm công tác Bảo trợ xã hội.

2. Công tác quản lý hồ sơ, tiếp nhận và giải quyết các chế độ cho các đối tượng

Công tác quản lý hồ sơ đã được Phòng Lao động - TB&XH huyện và UBND các xã, thị trấn quan tâm thực hiện, đảm bảo khoa học, phù hợp với từng đối tượng được hưởng, thuận tiện cho việc nắm, theo dõi các biến động, liên quan đến việc đề nghị hưởng trợ cấp, điều chỉnh khi đối tượng hết tuổi, hết điều kiện hưởng chế độ theo quy định, điều chỉnh khi thay đổi mức trợ cấp. Việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị hưởng trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội đã được thực hiện tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp. Đã quan tâm triển khai việc tiếp nhận qua dịch vụ công **toàn** trình làm giảm chi phí đi lại và thời gian giải quyết của đối tượng được thụ hưởng chính sách.

UBND huyện chỉ đạo Phòng Lao động - TB&XH huyện ký hợp đồng với tổ chức dịch vụ chi trả (Buru điện huyện) nhận tiền và chi trả hàng tháng cho các đối tượng; Buru điện huyện nhận kinh phí từ Phòng Lao động -TB&XH huyện; cơ bản thực hiện chi trả đối với đối tượng bảo trợ xã hội hàng tháng. Trong hai năm 2021-2022 công tác chi trả đã thực hiện chi trả hỗ trợ cho 37.934 lượt đối tượng, với tổng kinh phí cụ thể như sau:

- Năm 2021, chi trả cho 7.433 lượt = 5.769.225.000 đồng.
- Năm 2022, chi trả cho 30.501 lượt = 15.564.960.000 đồng.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

1. Công tác thống kê, rà soát: UBND huyện chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với các xã, thị trấn hàng tháng rà soát các đối tượng đảm bảo đủ

¹Công văn số 855/UBND-LĐ ngày 27/9/2021 của UBND huyện về việc triển khai thực hiện Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 955/UBND-LĐ ngày 29/10/2021 của UBND huyện về việc xin ý kiến thực hiện chính sách trợ cấp xã hội đối với người cao tuổi được quy định tại Nghị định 136/2013/NĐ-CP và Nghị định 20/2021/NĐ-CP; Công văn số 300/LĐT&XH-BTXH ngày 23/11/2021 của phòng Lao động Thương binh và Xã hội về việc triển khai thực hiện chính sách trợ cấp xã hội đối với người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng; Công văn số 1059/UBND-LĐ ngày 02/12/2021 của UBND huyện về việc rà soát dữ liệu cấp thẻ, gia hạn thẻ BHYT năm 2022; Công văn số 1113/UBND-LĐ ngày 16/12/2021 của UBND huyện về việc chấn chỉnh việc triển khai thực hiện trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội quy định Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; Công văn số 163/UBND-LĐ ngày 04/03/2021 của UBND huyện về việc thực hiện xác định mức độ khuyết tật và chính sách đối với người khuyết tật trên địa bàn huyện; Công văn số 703/UBND-LĐ ngày 08/8/2022 của UBND huyện về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của HĐND tỉnh Điện Biên.

điều kiện hưởng theo quy định Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ, Luật Người cao tuổi và Luật Người Khuyết tật để thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng; hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng theo đúng quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; đảm bảo chính xác, công khai, minh bạch; hồ sơ, thủ tục thực hiện trợ cấp hàng tháng cho đối tượng phát sinh mới, đối tượng điều chỉnh mức trợ cấp do thay đổi điều kiện hưởng theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP. Việc quản lý các đối tượng bảo trợ xã hội ở các xã, thị trấn đã quản lý đối tượng trên máy tính, thường xuyên cập nhật biến động đối tượng bảo trợ xã hội, thực hiện tăng, giảm đối tượng đúng quy định.

2. Kết quả thực hiện các chế độ, chính sách: Thực hiện Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ, hàng tháng UBND huyện chỉ đạo Phòng Lao động - TB&XH phối hợp với UBND các xã, thị trấn thường xuyên rà soát, quản lý các đối tượng Bảo trợ xã hội trên địa bàn và hướng dẫn các đối tượng thuộc diện điều chỉnh mức và hệ số trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định; đối với những người đã chết, không có mặt trên địa bàn thì tìm hiểu nguyên nhân và tạm dừng chi trả trợ cấp xã hội, đồng thời đề nghị UBND các xã, thị trấn làm văn bản đề thôi hưởng trợ cấp theo quy định. Hằng năm, UBND huyện đã ban hành các văn bản chỉ đạo cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn rà soát các đối tượng bảo trợ xã hội không thuộc hộ nghèo, cận nghèo theo kết quả điều tra rà soát hộ nghèo hàng năm để thực hiện, thôi hưởng chính sách Bảo trợ xã hội của một số nhóm đối tượng.

2.1. Chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng

a) Trợ cấp xã hội hàng tháng

Với chính sách cho người thụ hưởng ngày càng được mở rộng, các đối tượng bảo trợ xã hội được hưởng chế độ thường xuyên trên địa bàn ngày càng tăng qua các năm. Tổng số đối tượng hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội thường xuyên giai đoạn 2021-2022 trên địa bàn huyện là 37.934 lượt đối tượng, kinh phí là 21.334.185.000 đồng.

- Trong đó đối tượng hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội thường xuyên:

+ Năm 2021: 7.433 lượt đối tượng.

+ Năm 2022: 30.501 lượt đối tượng.

- Kinh phí chi trả cho các đối tượng hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội thường xuyên:

+ Năm 2021: 5.769.225.000 đồng;

+ Năm 2022: 15.564.960.000 đồng;

(Có biểu 01 kèm theo)

b) Cấp thẻ bảo hiểm y tế

- Thực hiện Quyết định số 2139/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND huyện Tủa Chùa và Quyết định số 3262/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của UBND huyện Tủa Chùa. Hằng năm, việc cấp thẻ bảo hiểm cho các đối tượng

bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp hàng tháng được Phòng Lao động -TB&XH đã phối hợp với UBND các xã, thị trấn rà soát đối tượng Bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng được cấp thẻ bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế; tham mưu trình UBND huyện ban hành các quyết định mua thẻ BHYT cho đối tượng theo quy định.

- Trong 2 năm 2021-2022 đã thực hiện cấp 1.865 thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng, trong đó:

+ Năm 2021, cấp 916 thẻ (người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên là: 509 người; Trẻ em mồ côi từ 4-16 tuổi là: 9 người; Khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi và là trẻ em, Khuyết tật nặng; 398 người);

+ Năm 2022, cấp 949 thẻ (người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên là: 569 người; Trẻ em mồ côi từ 4-16 tuổi là: 10 người; Khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi và là trẻ em, Khuyết tật nặng; 370 người).

c) Thực hiện hỗ trợ mai táng phí

UBND huyện đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn hướng dẫn các xã, thị trấn rà soát việc thực hiện hỗ trợ mai táng phí cho các đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng gửi về Phòng Lao động -TB&XH huyện tổng hợp, trình UBND huyện ra quyết định hỗ trợ kịp thời. Trong 2 năm 2021-2022, có 138 đối tượng được hỗ trợ mai táng phí, kinh phí là 907.200.000 đồng, trong đó:

+ Năm 2021 là: 64 đối tượng, kinh phí trợ cấp là 374.400.000 đồng;

+ Năm 2022 là: 74 đối tượng, Kinh phí trợ cấp là 532.800.000 đồng.

2.2. Chính sách trợ giúp xã hội khẩn cấp

a) Hỗ trợ lương thực

Hàng năm UBND tỉnh, Sở Lao động - TB&XH tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo về việc trợ giúp xã hội trong dịp Tết Nguyên đán và nguy cơ thiếu đói trong thời gian giáp hạt; Phòng Lao động -TB&XH đã tham mưu trình UBND huyện các văn bản chỉ đạo, phối hợp với UBND các xã, thị trấn triển khai tổ chức thực hiện rà soát số hộ, số khẩu có nguy cơ thiếu đói trên địa bàn và xem xét, quyết định. Chủ tịch UBND cấp xã tiến hành xem xét, làm văn bản đề nghị gửi UBND huyện (qua Phòng Lao động -TB&XH huyện tổng hợp) với kết quả như sau :

*** Năm 2021**

- Hỗ trợ gạo cứu đói giáp hạt với tổng số 1.526 hộ (16.458 khẩu); số tháng hỗ trợ thiếu đói bình quân là 01 tháng; tổng số gạo hỗ trợ là: 116.880 kg; nguồn kinh phí do Trung ương cấp bằng hiện vật;

- Hỗ trợ gạo cho các gia đình thiếu đói trong dịp Tết nguyên đán năm 2021 với tổng số 523 hộ (1.601 khẩu) với tổng số gạo là 24.015 kg; kinh phí hỗ trợ 348 triệu đồng bằng ngân sách huyện.

*** Năm 2022**

- Hỗ trợ gạo cứu đói giáp hạt với tổng số 1.570 hộ (7.852 khẩu); số tháng hỗ trợ thiếu đói bình quân là: 01 tháng; tổng số gạo được hỗ trợ là: 117.780 kg; nguồn kinh phí do Trung ương cấp bằng hiện vật;

- Hỗ trợ gạo cho các gia đình thiếu đói trong dịp Tết Nguyên đán năm 2022 với tổng số 668 hộ (2.951 khẩu), tổng số gạo là: 44.265 kg; kinh phí hỗ trợ 641,84 triệu đồng bằng nguồn ngân sách huyện.

b) Hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở

UBND huyện đã chỉ đạo các xã, thị trấn rà soát các đối tượng và làm hồ sơ đề nghị gửi Phòng Lao động -TB&XH thẩm định, tham mưu trình UBND huyện xem xét quyết định hỗ trợ cho các đối tượng như làm mới, sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị đổ, sập, trôi, cháy do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác mà không còn nơi ở; hộ phải di dời nhà khẩn cấp theo quyết định của UBND huyện. Kết quả thực hiện như sau:

+ Năm 2021: 05 hộ; với tổng số tiền 150.000.000 đồng (thuộc diện phải di dời nhà khẩn cấp theo quyết định của UBND huyện);

+ Năm 2022: 02 hộ; với tổng số tiền 60.000.000 đồng (thuộc diện phải di dời nhà khẩn cấp theo quyết định của UBND huyện).

c) Hỗ trợ tạo việc làm, phát triển sản xuất: Năm 2021- 2022 số đối tượng được hỗ trợ tạo việc làm, phát triển sản xuất theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ, trên địa bàn chưa có đối tượng nào có nhu cầu hỗ trợ tạo việc làm, phát triển sản xuất.

d) Hỗ trợ chi phí mai táng

Trong hai năm qua UBND huyện đã chỉ đạo Phòng Lao động -TB&XH phối hợp với UBND các xã, thị trấn đã hỗ trợ chi phí mai táng cho những hộ gia đình có chết, mất tích do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn giao thông, tai nạn lao động nghiêm trọng hoặc các lý do bất khả kháng khác được xem xét hỗ trợ chi phí mai táng theo quy định;

+ Năm 2021: 11 đối tượng, với số tiền chi trả 95.400.000 đồng;

+ Năm 2022: 12 đối tượng, với số tiền chi trả 203.400.000 đồng.

3. Nguồn kinh phí

- UBND huyện ban hành các quyết định, văn bản chỉ đạo Phòng Lao động -TB&XH phối hợp với các xã, thị trấn thực hiện chế độ chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng Bảo trợ xã hội trên địa bàn huyện cụ thể như sau:

* Chuyển nguồn từ năm 2020 sang 2021 là: 0 đồng

* Dự toán 2021: Tổng 11.444.088.000 đồng

* Quyết toán 2021: 10.701.425.560 đồng:

Trong đó:

- + Kinh phí hỗ trợ bảo trợ xã hội: 5.769.225.000 đồng;
- + Kinh phí trợ cấp mai táng phí cho các đối tượng BTXH: 374.400.000 đồng;
- + Kinh phí hỗ trợ lương thực thực phẩm: 403.464.212 đồng;
- + Kinh phí hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở: 150.000.000 đồng;
- + Kinh phí hỗ trợ mai táng phí đột xuất: 95.400.000 đồng;
- + Kinh phí hỗ trợ Bảo hiểm y tế cho các đối tượng BTXH: 568.767.198 đồng;
- + Kinh phí chi hỗ trợ khác: 3.340.169.150 đồng.
- * Kết dư ngân sách năm 2021: 742.662.440 đồng
- * Chuyển nguồn từ năm 2021 sang 2022: 742.662.440 đồng
- * Dự toán 2022: Tổng 30.159.302.440 đồng
- * Quyết toán 2022: 18.999.327.521 đồng:

Trong đó:

- Kinh phí hỗ trợ bảo trợ xã hội: 15.564.960.000 đồng;
- Kinh phí trợ cấp mai táng phí cho các đối tượng BTXH: 532.800.000 đồng;
- Kinh phí hỗ trợ lương thực thực phẩm: 730.921.521 đồng;
- Kinh phí hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở: 60.000.000 đồng;
- Kinh phí hỗ trợ mai táng phí đột xuất: 203.400.000 đồng;
- Kinh phí hỗ trợ Bảo hiểm y tế cho các đối tượng BTXH: 0 đồng;
- Kinh phí chi hỗ trợ khác: 1.907.246.000 đồng;
- * Kết dư ngân sách năm 2022: 11.159.974.919 đồng.

(Có biểu số 03 kèm theo)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Trong những năm qua UBND huyện đã chỉ đạo Phòng Lao động - TB&XH huyện và UBND các xã, thị trấn làm tốt nhiệm vụ đưa chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về trợ giúp xã hội đến đối tượng thụ hưởng đảm bảo đầy đủ và kịp thời, đúng quy định. Trong quá trình triển khai chính sách trợ giúp xã hội UBND huyện chỉ đạo cơ quan chuyên môn và các xã, thị trấn luôn chú trọng đến việc phổ biến và triển khai kịp thời chính sách, quy định mới; hướng dẫn các đối tượng lập hồ sơ đề nghị được hưởng trợ cấp theo quy định và thực hiện thẩm định, xét duyệt hồ sơ theo quy trình, hạn chế để tình trạng tồn đọng hồ sơ; công tác quản lý đối tượng được quan tâm thực hiện phù hợp với từng đối tượng thụ hưởng, thuận tiện cho việc theo dõi các biến động liên quan đến việc đề nghị hưởng trợ cấp, điều chỉnh mức hưởng trợ cấp, công tác chi trả trợ cấp xã hội qua hệ thống bưu điện cơ bản đã đi vào ổn định.

Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ có hiệu lực đã mở rộng đối tượng thụ hưởng, số lượng trên địa bàn tăng hàng năm (năm 2021 là 7.433 lượt đối tượng, năm 2022 là 30.501 lượt đối tượng). Những chính sách thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với những đối tượng gặp hoàn cảnh khó khăn, khuyết tật; tạo môi trường thuận lợi cho các đối tượng yếu thế được tiếp cận học nghề, thụ hưởng các dịch vụ của xã hội cơ bản, giúp các đối tượng vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống, đồng thời góp phần đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn.

2. Một số tồn tại, hạn chế

- Công tác tuyên truyền phổ biến các chính sách về bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ tại một số xã có lúc chưa được quan tâm đúng mức, chủ yếu là tuyên truyền bằng các hình thức lồng ghép, dẫn đến một số xã triển khai Nghị định tới đối tượng được hưởng chậm so với quy định.

- Công tác tiếp nhận và xử lý hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ cho các đối tượng bảo trợ xã hội tại một số xã, thị trấn còn chậm việc thay đổi thông tin (chết, thay đổi nơi ở, thay đổi điều kiện, mức hưởng) tại một số xã chưa kịp thời như (xã Sín Chải, Sính Phình, Huổi Sớ).

- Hồ sơ, thủ tục lưu trữ tại một số xã, thị trấn đối với trợ giúp thường xuyên và trợ giúp khẩn cấp chưa đầy đủ theo quy định, thông tin trong hồ sơ còn thiếu. Công tác lưu trữ hồ sơ chưa đảm bảo khoa học thiếu các quyết định như: Quyết định các đối tượng thụ hưởng; điều chỉnh trợ cấp, hỗ trợ chi phí mai táng phí và quyết định kiện toàn hội đồng xét duyệt mức độ khuyết tật nên khó khăn cho quá trình quản lý, theo dõi. Việc hướng dẫn làm thủ tục hỗ trợ kinh phí cho các hộ gia đình, cá nhân chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng còn chậm, chưa kịp thời.

- Công tác tiếp nhận, thẩm định một số hồ sơ của Phòng Lao động - TB&XH chưa thường xuyên trao đổi nắm bắt những phát sinh trong việc thực hiện chính sách ở cơ sở dẫn đến (số liệu không thống nhất, tên đối tượng được hưởng sai so với hồ sơ trình).

- Việc kiểm tra, giám sát đôn đốc việc chi trả chế độ cho các đối tượng tại một số xã, thị trấn chưa thường xuyên. Công tác kiểm tra thực tế đối tượng đề nghị được hưởng chế độ tại các xã, thị trấn chưa thường xuyên, dẫn đến cơ sở còn để sót các đối tượng như (người già 80 tuổi trở lên, khuyết tật và trẻ em dưới 3 tuổi và hộ gia đình, cá nhân chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng). Việc xác định mức độ khuyết tật cho các đối tượng có lúc, có nơi chưa kịp thời.

- Công tác chi trả trợ cấp bảo trợ xã hội thường xuyên có những khó khăn, hạn chế nhất định như:

+ Về phía đối tượng thụ hưởng: Đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp hàng tháng chủ yếu là người cao tuổi, người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng... nên khó khăn trong việc đến điểm chi trả để nhận tiền trợ cấp. Trường hợp không đến nhận được thì ủy quyền. Tuy nhiên, trên thực tế triển khai thực hiện việc ủy quyền còn

phát sinh tình huống khó khăn, vướng mắc cho cả người thực hiện ủy quyền và chính quyền địa phương.

+ Về phía đơn vị cung cấp dịch vụ chi trả: Qua phản ánh của một số xã, thị trấn cho thấy công tác chi trả của hệ thống bưu điện tính ổn định chưa cao, thời gian chi trả hàng tháng (dồn 2 tháng trả 1 lần), điều này ảnh hưởng đến chất lượng cung cấp dịch vụ, khó khăn cho đối tượng được hưởng chính sách. Công tác tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn đối với tổ chức dịch vụ chi trả (Bưu điện huyện) chưa thực hiện theo đúng quy định. Số lĩnh tiền hàng tháng của các đối tượng bảo trợ xã hội còn thiếu một số thông tin.

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân chủ quan

- Công tác tuyên truyền của chính quyền địa phương, MTTQ, đoàn thể có lúc có nơi chưa kịp thời; đối tượng thụ hưởng theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ mở rộng, nên một số đối tượng chưa được tiếp cận kịp thời với chế độ chính sách.

- Công tác phối hợp giữa công chức Lao động - TB&XH với nhân viên chi trả chưa thường xuyên, nên việc theo dõi, cập nhật thông tin, thực hiện hoạt động quản lý và trợ giúp xã hội cho các đối tượng còn hạn chế.

- Việc theo dõi, quản lý đối tượng thụ hưởng tại các thôn, bản chưa chặt chẽ, một số người dân thiếu quan tâm thông tin cá nhân trong sổ hộ khẩu, căn cước công dân, giấy khai sinh... Các giấy tờ tùy thân do lịch sử để lại không trùng khớp nên khó khăn khi thực hiện thủ tục.

- Công tác kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện chính sách trợ giúp xã hội, đặc biệt là việc chi trả trợ cấp cho các đối tượng chưa thụ hưởng bảo trợ xã hội chưa được quan tâm đúng mức. Công chức phụ trách lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội một số xã, thị trấn chưa nghiên cứu sâu về chuyên môn, nghiệp vụ dẫn đến việc thực hiện chính sách chưa cao; công tác rà soát lập danh sách, đề nghị hỗ trợ đối với các đối tượng được thụ hưởng tại xã đôi khi chưa được kịp thời.

3.2. Nguyên nhân khách quan

- Chế độ chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội thường xuyên thay đổi, nhiều văn bản áp dụng cùng lúc đã ảnh hưởng đến việc triển khai tổ chức thực hiện tại cơ sở.

- Khối lượng công việc trong lĩnh vực trợ giúp xã hội nhiều, đối tượng bảo trợ xã hội ngày càng được mở rộng, số lượng lớn; các chính sách, văn bản cần triển khai nhiều, đan xen, trong khi đó công chức thực hiện nhiệm vụ lao động, thương binh và xã hội kiêm nhiệm nhiều việc, một số mới nhận nhiệm vụ (hầu hết chưa qua đào tạo ngành công tác xã hội 2/12 đào tạo đúng chuyên môn).

- Trong năm 2021-2022 do ảnh hưởng đại dịch Covid -19 dẫn đến việc triển khai thực hiện các chính sách Bảo trợ xã hội trên địa bàn huyện gặp nhiều khó khăn. Đối tượng thụ hưởng thuộc nhiều thành phần nhất là người già, người

khuyết tật... đi lại khó khăn phải nhờ người thân đi nhận thay tiền trợ cấp hàng tháng nên phần nào khó khăn kiểm tra, giám sát, theo dõi của địa phương.

- Về hoạt động của Hội đồng xét duyệt mức độ khuyết tật: Với cơ cấu thành viên trong hội đồng chỉ có duy nhất một thành viên có chuyên môn về y học là Trạm trưởng Trạm y tế ở cấp xã, thị trấn, ngoài ra không có bất kỳ máy móc hay thiết bị y tế nào để hỗ trợ nên việc xác định mức độ khuyết tật gặp nhiều khó khăn.

- Theo quy định, trường hợp Hội đồng xác định mức độ khuyết tật ở cấp xã, thị trấn không đưa ra được kết luận về mức độ khuyết tật thì đề nghị Hội đồng giám định y khoa tỉnh thực hiện; chi phí giám định y khoa thực hiện theo quy định do ngân sách nhà nước đảm bảo (ngân sách xã, thị trấn). Điều này làm tăng áp lực lên ngân sách xã, thị trấn, do vậy khi gặp khó khăn trong việc xác định mức độ khuyết tật nhưng UBND xã, thị trấn dè dặt khi đề nghị.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Hàng năm đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ bảo trợ xã hội tại các địa phương. Tiếp tục quan tâm tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng, chuyên môn liên quan đến xác định mức độ khuyết tật để thành viên Hội đồng xác định mức độ khuyết tật xã, thị trấn có đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

2. Đối với UBND huyện

- Tiếp tục chú trọng công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; tăng cường công tác phối hợp giữa Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội, các ngành trong giám sát, triển khai, thực hiện chế độ chính sách đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các chính sách khác trên địa bàn.

- Chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện

+ Phối hợp nâng cao công tác thông tin, tuyên truyền về chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về bảo trợ xã hội đến người dân trên địa bàn với nhiều hình thức phù hợp với từng đối tượng; tiếp tục tham mưu thực hiện có hiệu quả chính sách trợ giúp trên địa bàn, đảm bảo đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện được nhận trợ cấp xã hội hàng tháng; đối tượng gặp khó khăn đột xuất được trợ giúp kịp thời.

+ Có giải pháp trong giải quyết chính sách về an sinh xã hội, trong quản lý thông tin, biên động bảo trợ xã hội, đảm bảo cập nhật kịp thời thông tin của đối tượng hưởng chế độ chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn. Đảm bảo việc tiếp nhận hồ sơ, tham mưu xét duyệt hưởng trợ cấp chính xác, kịp thời, đúng quy định, tránh sai sót, tồn đọng, thiệt thòi cho đối tượng thụ hưởng. Chỉ đạo các xã, thị trấn rà soát và hoàn thiện hồ sơ cho các hộ gia đình, cá nhân chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng chưa được hưởng chế độ, người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên chưa được truy lĩnh theo quy định.

+ Đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát định kỳ và đột xuất việc chi trả, thực hiện chế độ cho các đối tượng bảo trợ xã hội tại các xã, thị trấn. Chú trọng việc công khai minh bạch trong giải quyết chế độ chính sách nhằm thực hiện tốt hơn các chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn huyện.

+ Yêu cầu đơn vị chi trả bố trí nhân viên chi trả phù hợp; chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng cho nhân viên, quy trình quản lý nguồn tiền chi trả cho nhân viên chi trả cho các đối tượng; đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hệ thống để công tác chi trả, quản lý nguồn tiền, thanh quyết toán thực hiện kịp thời, đúng quy định; tiếp tục thực hiện việc chi trả tại nhà đối với người cao tuổi, sức khỏe yếu, người khuyết tật... nếu không có người nhận thay.

+ Tiếp tục quan tâm tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng, chuyên môn liên quan xác định mức độ khuyết tật để thành viên Hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp xã, thị trấn có đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ theo pháp luật quy định.

+ Tăng cường hướng dẫn, thực hiện việc rà soát, xét duyệt các đối tượng đảm bảo chính xác, công khai, minh bạch; việc tổng hợp, lưu trữ hồ sơ, cập nhật thông tin, số liệu quản lý đối tượng chặt chẽ đúng quy định; thực hiện tốt công tác chủ trì, phối hợp với các sở, ngành địa phương về việc quản lý, cập nhật biến động tăng, giảm đối tượng trong thực hiện chi trả chế độ, cấp thẻ bảo hiểm y tế.

- Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn

+ Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, quy định mới về trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, những nội dung quy định. Chú trọng việc công khai, minh bạch trong giải quyết các chế độ chính sách; phát huy hiệu quả hệ thống truyền thanh ở cấp xã trong công khai kết quả xét duyệt chính sách, qua đó phát huy được sự tham gia giám sát của người dân trong thực hiện chính sách cho đối tượng bảo trợ xã hội, đặc biệt trong công tác chi trả qua đó góp phần đảm bảo các quyết định hưởng trợ giúp xã hội của cơ quan có thẩm quyền đối với người được hưởng đúng, đủ và kịp thời. Đồng thời hỗ trợ UBND các xã, thị trấn trong việc theo dõi sự thay đổi thông tin có liên quan của các đối tượng được thụ hưởng chính sách.

+ Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ và giải quyết hồ sơ của các đối tượng bảo trợ xã hội đảm bảo đúng quy trình, thủ tục và thời gian theo quy định. Chủ động nắm bắt tình hình, đời sống của nhân dân, nhất là các đối tượng yếu thế; phối hợp chặt chẽ với cơ quan, đơn vị liên quan đảm bảo việc quản lý, theo dõi sự biến động các đối tượng hưởng trợ giúp xã hội được đúng và kịp thời, nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật.

+ Có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng công chức tiếp cận công tác lao động thương binh và xã hội khi biến động về công tác nhân sự. Chú trọng khuyến khích việc công chức tự học tập, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đặc biệt là là tinh thần trách nhiệm làm tốt công tác tham mưu cho UBND xã, thị trấn trong triển khai thực hiện các chính sách an sinh xã hội nói chung và chính sách trợ giúp xã hội nói riêng.

+ Tiếp tục rà soát, hướng dẫn các hộ gia đình nhận chăm sóc, nuôi dưỡng (người khuyết tật đặc biệt nặng), chưa được hưởng trợ cấp hàng tháng làm hồ sơ để được hưởng chính sách theo quy định tại nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; lưu trữ hồ sơ, sổ sách theo dõi, sắp xếp hồ sơ, thực hiện lưu trữ theo từng trường hợp đối tượng, kiểm tra bổ sung các loại giấy tờ còn thiếu vào hồ sơ lưu trữ, mở sổ theo dõi từng loại đối tượng, lưu hồ sơ từng năm, từng tháng.

+ Hàng tháng UBND xã, thị trấn theo dõi danh sách chi trả và tổng hợp báo cáo định kỳ về UBND huyện (qua Phòng Lao động -TB&XH huyện) để điều chỉnh, bổ sung đối tượng kịp thời.

Trên đây là Báo cáo kết quả giám sát “Về tình hình thực hiện trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng và trợ giúp xã hội khẩn cấp theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn huyện Tủa Chùa, giai đoạn 2021-2022” của Đoàn giám sát HĐND huyện Tủa Chùa./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh Điện Biên;
- UBND tỉnh Điện Biên;
- Sở Lao động - TB&XH tỉnh Điện Biên;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- LĐ. UBND huyện;
- UBMTTQ VN huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị phòng: LĐ - TB&XH huyện; Bưu điện huyện;
- TT.HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Văn phòng HĐND&UBND huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ĐOÀN GIÁM SÁT
TRƯỞNG ĐOÀN**

**CHỦ TỊCH HĐND HUYỆN
Giàng A Páo**